PHỤ LỤC

Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành đối với Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội

(Kèm theo công văn số: 3878/H06-P3 ngày 26/11/2026 của Cục Y tế)

TT	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Địa chỉ	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP	Đối tượng hướng dẫn thực hành (07 chức danh)
1	Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội	Số 9 Văn Phú, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	x	1. Bác sĩ Nội khoa 2. Bác sĩ Ngoại khoa 3. Bác sĩ Y học cổ truyền 3. Y sĩ đa khoa 4. Y sĩ Y học cổ truyền 5. Điều dưỡng 6. Kỹ thuật viên xét nghiệm y học 7. Kỹ thuật viên hình ảnh y học

CÔNG AN TP HÀ NỘI
BỆNH VIỆN
Số: 2271 /BV-KHTH&VTTBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi : Cục Y tế - Bộ Công an

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

BỆNH VIỆN CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Số 40/GPHĐ-BCA

Cơ quan cấp: Bộ Công an Ngày cấp: 10/12/2025

Địa chỉ: Số 9 Văn Phú, phường Kiến Hưng, TP. Hà Nội

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Nguyễn Thị Thu Hiền

Điện thoại liên hệ: 069.219.7055 Email: khthph50@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ nội khoa, ngoại khoa.
- Bác sỹ y học cổ truyền.
- Y sỹ đa khoa.
- Y sỹ y học cổ truyền.
- Điều dưỡng.
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:

(Có Phụ lục kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

STT	Đối tượng thực hành	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ nội khoa, ngoại khoa	20
2	Bác sỹ y học cổ truyền	15
3	Y sỹ đa khoa	5
4	Y sỹ y học cổ truyền	5
5	Điều dưỡng	10
6	Kỹ thuật y (Xét nghiệm Y học)	5
7	Kỹ thuật y (Hình ảnh Y học)	5

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Không thu phí hướng dẫn thực hành đối với cán bộ, nhân viên y tế đang công tác tại các cơ sở y tế trong Công an nhân dân.

Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản công bố:

(1) Danh sách người hướng dẫn thực hành.

(2) Chương trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

(3) Bản sao Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội.

(4) Bản sao chứng chỉ hành nghề (hoặc giấy phép hành nghề) của người hướng dẫn thực hành.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, PH06(KHTH&VT-TBYT)Chung.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN

Thượng tá Nguyễn Thị Thu Hiền

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số 2271 /BV-KHTH&VT-TBYT ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện CATP Hà Nội)

I. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Bác sĩ Nội khoa, Bác sĩ Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Đoàn Thúy Hòa	Tiến sĩ	Phó Giám đốc BV	Khoa Ngoại TH & LCK	0013680/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	27/12/2013	Bộ Y tế
2	Nguyễn Xuân Khánh	BSCK1	Trưởng khoa	Khoa KB & HSCC	0016898/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	08/7/2015	Sở Y tế Hà Nội
3	Chu Thị Thu Hà	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa KB & HSCC	043151/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
4	Ngô Đình Bằng	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa Nội tổng hợp	043152/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
5	Vũ Hồng Hạnh	BSĐK	Bác sỹ	Khoa KB & HSCC	043152/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
6	Phạm Thị Nhật Minh	BSCK1	Bác sỹ	Khoa KB & HSCC	028570/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	17/10/2019	Sở Y tế Hà Nội
7	Trần Thị Nhung	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa Ngoại TH & LCK	020648/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	06/12/2016	Sở Y tế Hà Nội
8	Đỗ Hải Thoại	BSĐK	Bác sỹ	Khoa Ngoại TH & LCK	019237/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	01/6/2016	Sở Y tế Hà Nội

9	Tạ Hoàng Hải	BSĐK	Bác sỹ	Khoa Ngoại TH & LCK	048310/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	28/02/2023	Bộ Y tế
10	Trịnh Vũ Hải	BSCK1	Bác sỹ	Khoa Cận lâm sàng	018129/HNO – CCHN 3184/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội + Chẩn đoán hình ảnh	11/01/2016	Sở Y tế Hà Nội
11	Ngô Thị Cẩm	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa Cận lâm sàng	043154/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
12	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ – BS YHCT	Trưởng phòng	Phòng KHTH – VT&TBYT	0014150/BYT – CCHN 2239/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp Nội khoa	07/02/2014	Bộ Y tế

II. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Bác sỹ y học cổ truyền

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ – BS YHCT	Trưởng phòng	Phòng KHTH – VT&TBYT	0014150/BYT – CCHN 2239/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp Nội khoa	07/02/2014	Bộ Y tế
2	Phạm Văn Tuyên	BSCK1 YHCT	Trưởng khoa	Khoa Y dược cổ truyền	019118/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp VLTL-PHCN	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội
3	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sĩ – BS YHCT	P. trưởng khoa	Khoa Y dược cổ truyền	0021652/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp VLTL-PHCN	20/10/2015	Bộ Y tế

III. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Y sỹ đa khoa

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Đoàn Thúy Hòa	Tiến sĩ	Phó Giám đốc BV	Khoa Ngoại TH & LCK	0013680/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	27/12/2013	Bộ Y tế
2	Nguyễn Xuân Khánh	BSCK1	Trưởng khoa	Khoa KB & HSCC	0016898/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	08/7/2015	Sở Y tế Hà Nội
3	Chu Thị Thu Hà	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa KB & HSCC	043151/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
4	Ngô Đình Bằng	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa Nội tổng hợp	043152/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
5	Vũ Hồng Hạnh	BSĐK	Bác sỹ	Khoa KB & HSCC	043152/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
6	Phạm Thị Nhật Minh	BSCK1	Bác sỹ	Khoa KB & HSCC	028570/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	17/10/2019	Sở Y tế Hà Nội
7	Trần Thị Nhung	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa Ngoại TH & LCK	020648/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	06/12/2016	Sở Y tế Hà Nội
8	Đỗ Hải Thoại	BSĐK	Bác sỹ	Khoa Ngoại TH & LCK	019237/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	01/6/2016	Sở Y tế Hà Nội
9	Tạ Hoàng Hải	BSĐK	Bác sỹ	Khoa Ngoại TH & LCK	048310/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	28/02/2023	Bộ Y tế
10	Trịnh Vũ Hải	BSCK1	Bác sỹ	Khoa Cận lâm sàng	018129/HNO – CCHN 3184/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội + Chẩn đoán hình ảnh	11/01/2016	Sở Y tế Hà Nội

11	Ngô Thị Cẩm	BSĐK	P. trưởng khoa	Khoa Cận lâm sàng	043154/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế
12	Nguyễn Viết Hùng	Y sỹ trung cấp	Y sỹ	Khoa KB & HSCC	039915/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	23/4/2019	Bộ Y tế
13	Nguyễn Văn Tuấn	Y sỹ trung cấp	Y sỹ	Khoa Y dược cổ truyền	043162/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	10/7/2020	Bộ Y tế
14	Trần Công Ước	Y sỹ trung cấp	Y sỹ	Khoa Ngoại TH & LCK	019119/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội
15	Nguyễn Văn Hà	Y sỹ trung cấp	Y sỹ	Khoa Cận lâm sàng	043161/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	10/7/2020	Bộ Y tế
16	Nguyễn Tiến Trường	Y sỹ trung cấp	Y sỹ	Khoa Cận lâm sàng	043160/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	10/7/2020	Bộ Y tế
17	Nguyễn Thị Thu Thủy	Y sỹ trung cấp	Y sỹ	Khoa Y dược cổ truyền	0016878/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội

IV. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Y sỹ y học cổ truyền

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ – BS YHCT	Trưởng phòng	Phòng KHTH – VT&TBYT	0014150/BYT – CCHN 2239/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp Nội khoa	07/02/2014	Bộ Y tế
2	Phạm Văn Tuyên	BSCK1 YHCT	Trưởng khoa	Khoa Y dược cổ truyền	019118/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp VLTL-PHCN	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội

3	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sĩ – BS YHCT	P. trưởng khoa	Khoa Y dược cổ truyền	0021652/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp VLTL-PHCN	20/10/2015	Bộ Y tế

V. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Trần Thị Hà	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa KB & HSCC	039916/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	23/4/2019	Bộ Y tế
2	Nguyễn Thu Hằng	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa KB & HSCC	0016880/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội
3	Nguyễn Hồng Trang	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Nội tổng hợp	019134/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội
4	Dương Thị Thanh Loan	Đại học điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Nội tổng hợp	019117/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội
5	Hoàng Thị Phúc	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Y dược cổ truyền	0016887/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội
6	Đặng Thanh Hằng	Đại học điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Y dược cổ truyền	0016876/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội
7	Đặng Thị Ngọc	Trung cấp điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Y dược cổ truyền	0017166/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	10/8/2015	Sở Y tế Hà Nội

8	Lê Thị Lan Anh	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại TH & LCK	0017925/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	24/12/2015	Sở Y tế Hà Nội
9	Nguyễn Phương Lan	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Nội tổng hợp	018750/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	10/3/2016	Sở Y tế Hà Nội
10	Dương Thùy Linh	Trung cấp điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Ngoại TH & LCK	020649/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	06/12/2016	Sở Y tế Hà Nội
11	Trần Thị Thơm	Trung cấp điều dưỡng	Điều dưỡng viên	Khoa Nội tổng hợp	037268/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	23/5/2018	Bộ Y tế

V. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Kỹ thuật y (Xét nghiệm Y học)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Ngô Thị Bích Thùy	Cử nhân điều dưỡng	KTV xét nghiệm	Khoa Cận lâm sàng	0017598/HNO - CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	30/10/2015	Sở Y tế Hà Nội
2	Trần Thị Quý	Cử nhân xét nghiệm	KTV xét nghiệm	Khoa Cận lâm sàng	005228/NĐ - CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	25/8/2016	Sở Y tế Nam Định

V. Danh sách người hướng dẫn thực hành chức danh: Kỹ thuật y (Hình ảnh Y học)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Đơn vị	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)			
					Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Trịnh Vũ Hải	BSCK1	Bác sỹ	Khoa Cận lâm sàng	018129/HNO – CCHN 3184/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội + Chẩn đoán hình ảnh	11/01/2016	Sở Y tế Hà Nội

CỘNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN

PHỤ LỤC II

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Kèm theo Bản công bố số 2271 /BV-KHTH&VT-TBYT ngày 27/ 10/2026 của Bệnh viện Công an TP. Hà Nội)

I. Chương trình thực hành chức danh: Bác sỹ Nội khoa, Ngoại khoa

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	03 tháng	
2	Thực hành các chuyên khoa: - Nội khoa - Ngoại khoa - Mắt - Răng - hàm - mặt - Tai - mũi - họng - Da liễu	09 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**12 tháng**	

II. Chương trình thực hành chức danh: Bác sỹ y học cổ truyền

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	03 tháng	
2	Thực hành Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	09 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**12 tháng**	

III. Chương trình thực hành chức danh: Y sỹ đa khoa

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	03 tháng	
2	Thực hành các chuyên khoa: - Nội khoa - Ngoại khoa - Mắt - Răng - hàm - mặt - Tai - mũi - họng - Da liễu	06 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**09 tháng**	

IV. Chương trình thực hành chức danh: Y sỹ y học cổ truyền

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	03 tháng	
2	Thực hành Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	06 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**09 tháng**	

V. Chương trình thực hành chức danh: Điều dưỡng

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	01 tháng	
2	Thực hành các chuyên khoa: - Nội khoa - Ngoại khoa - Mắt - Răng - hàm - mặt - Tai - mũi - họng - Da liễu	05 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**06 tháng**	

VI. Chương trình thực hành chức danh: Kỹ thuật y (Xét nghiệm Y học)

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	01 tháng	
2	Thực hành chuyên môn: - Đảm bảo chất lượng xét nghiệm. - Huyết học - Đông máu - Truyền máu. - Hóa sinh - Miễn dịch. - Vi sinh.	05 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**06 tháng**	

VII. Chương trình thực hành chức danh: Kỹ thuật y (Hình ảnh Y học)

STT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	01 tháng	
2	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	05 tháng	
3	Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Lồng ghép cùng với thực hành lâm sàng	
	Tổng	**06 tháng**	

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TP HÀ NỘI
Số: 27 /QĐ-PH06

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phân công nhiệm vụ hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 4777/QĐ-BCA ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Bộ Công an về tổ chức bộ máy của Công an thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-CAHN-PX01 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Công an thành phố Hà Nội về việc triển khai chuyển Bệnh viện từ trực thuộc Phòng Hậu cần sang trực thuộc Công an thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp và vật tư, thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công cán bộ kiêm nhiệm chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho cán bộ y tế thực hành tại Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội (*có phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Đồng chí Trưởng phòng Hành chính quản trị và tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp và vật tư, thiết bị y tế, người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Đồng chí có tên ở điều 3;
(để thực hiện)
- Lưu VT, PH06.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN

Thượng tá Nguyễn Thị Thu Hiền

PHỤ LỤC
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-PH06 ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện CATP Hà Nội)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề (giấy phép hành nghề)				Đối tượng hướng dẫn thực hành
			Số	Phạm vi hoạt động	Ngày cấp	Nơi cấp	
1	Đoàn Thúy Hòa	Tiến sĩ, Bác sĩ	0013680/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	27/12/2013	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt
2	Nguyễn Xuân Khánh	BSCKI	0016898/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	08/7/2015	Sở Y tế Hà Nội	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa; Y sĩ đa khoa
3	Chu Thị Thu Hà	BSĐK	043151/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa; Y sĩ đa khoa
4	Ngô Đình Bằng	BSĐK	043152/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa; Y sĩ đa khoa
5	Vũ Hồng Hạnh	BSĐK	043152/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa; Y sĩ đa khoa
6	Phạm Thị Nhật Minh	BSCKI	028570/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa I Da liễu	17/10/2019	Sở Y tế Hà Nội	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa; Y sĩ đa khoa

7	Trần Thị Nhung	BSCKI	020648/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	06/12/2016	Sở Y tế Hà Nội	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa; Y sĩ đa khoa
8	Đỗ Hải Thoại	BSĐK	019237/HNO - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	01/6/2016	Sở Y tế Hà Nội	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa; Y sĩ đa khoa
9	Tạ Hoàng Hải	BSĐK	048310/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	28/02/2023	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh Ngoại khoa; Y sĩ đa khoa
10	Trịnh Vũ Hải	BSCKI	018129/HNO – CCHN 3184/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội + Chẩn đoán hình ảnh	11/01/2016	Sở Y tế Hà Nội	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa, kỹ thuật y (Hình ảnh y học)
11	Ngô Thị Cẩm	BSĐK	043154/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10/7/2020	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa; Y sĩ đa khoa
12	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ – BS YHCT	0014150/BYT – CCHN 2239/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp Nội khoa	07/02/2014	Bộ Y tế	Bác sĩ khám chữa bệnh Nội khoa; Bác sĩ Y học cổ truyền
13	Phạm Văn Tuyên	BSCKI YHCT	019118/HNO -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp VLTL-PHCN	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội	Bác sĩ Y học cổ truyền
14	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sĩ – BS YHCT	0021652/BYT -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT kết hợp VLTL-PHCN	20/10/2015	Bộ Y tế	Bác sĩ Y học cổ truyền

15	Nguyễn Viết Hùng	Y sỹ trung cấp	039915/BYT -CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	23/4/2019	Bộ Y tế	Y sĩ đa khoa
16	Nguyễn Văn Tuấn	Y sỹ trung cấp	043162/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	10/7/2020	Bộ Y tế	Y sĩ đa khoa
17	Trần Công Ước	Y sỹ Cao đẳng	019119/HNO -CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội	Y sĩ đa khoa
18	Nguyễn Văn Hà	Y sỹ trung cấp	043161/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	10/7/2020	Bộ Y tế	Y sĩ đa khoa
19	Nguyễn Tiến Trường	Y sỹ trung cấp	043160/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015	10/7/2020	Bộ Y tế	Y sĩ đa khoa
20	Nguyễn Thị Thu Thủy	Y sỹ Cao đẳng	0016878/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội	Y sĩ đa khoa
21	Trần Thị Hà	Cao đẳng điều dưỡng	039916/BYT -CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	23/4/2019	Bộ Y tế	Điều dưỡng viên

22	Nguyễn Thu Hằng	Cao đẳng điều dưỡng	0016880/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
23	Nguyễn Hồng Trang	Cao đẳng điều dưỡng	019134/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
24	Dương Thị Thanh Loan	Đại học điều dưỡng	019117/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	11/5/2016	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
25	Hoàng Thị Phúc	Cao đẳng điều dưỡng	0016887/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
26	Đặng Thanh Hằng	Đại học điều dưỡng	0016876/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	30/6/2015	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
27	Đặng Thị Ngọc	Trung cấp điều dưỡng	0017166/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	10/8/2015	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
28	Lê Thị Lan Anh	Cao đẳng điều dưỡng	0017925/HNO - CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	24/12/2015	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
29	Nguyễn Phương Lan	Cao đẳng điều dưỡng	018750/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	10/3/2016	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên

30	Dương Thùy Linh	Cử nhân điều dưỡng	020649/HNO - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	06/12/2016	Sở Y tế Hà Nội	Điều dưỡng viên
31	Trần Thị Thơm	Cử nhân điều dưỡng	037268/BYT - CCHN	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	23/5/2018	Bộ Y tế	Điều dưỡng viên
32	Ngô Thị Bích Thùy	Cử nhân điều dưỡng	0017598/HNO - CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	30/10/2015	Sở Y tế Hà Nội	Kỹ thuật y (Xét nghiệm Y học)
33	Trần Thị Quý	Cử nhân xét nghiệm	005228/NĐ - CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	25/8/2016	Sở Y tế Nam Định	Kỹ thuật y (Xét nghiệm Y học)

BỘ Y TẾ

Số: 7444/QĐ-BYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục 845 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Công an Thành phố Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Bệnh viện Công an Thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 626/TTr-BVCAHN ngày 12/12/2016 về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh,

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 845 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Công an Thành phố Hà Nội (Danh mục kỹ thuật kèm theo).

Điều 2. Bệnh viện Công an Thành phố Hà Nội có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đã được phê duyệt; thực hiện đúng các quy định liên quan của pháp luật, bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng của Bộ Y tế, Cục trưởng Cục Y tế - Bộ Công an và Giám đốc Bệnh viện Công an Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để báo cáo);
- Công an TP Hà Nội;
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÊ DUYỆT

Danh mục 845 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Công an Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7444/QĐ-BYT ngày22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Số TT của BV	Số TT của BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
	I	**HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC**
		A. TUẦN HOÀN
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
4	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên
5	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
6	15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
7	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
8	19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường
9	28	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
10	32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
11	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
		B. HÔ HẤP
12	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
13	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
14	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
15	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
16	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
17	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
18	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
19	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
20	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
21	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)

22	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ
23	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)
24	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
25	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
26	66	Đặt ống nội khí quản
27	71	Mở khí quản cấp cứu
28	72	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp
29	73	Mở khí quản thường quy
30	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
31	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
32	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
33	77	Thay ống nội khí quản
34	78	Rút ống nội khí quản
35	79	Rút canuyn khí quản
36	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)
37	84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra
38	85	Vận động trị liệu hô hấp
39	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
40	89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng
41	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ
42	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển
43	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ
44	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
45	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
		C. THẬN - LỌC MÁU
46	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
47	164	Thông bàng quang
		D. THẦN KINH
48	201	Soi đáy mắt cấp cứu
49	202	Chọc dịch tủy sống
50	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
		Đ. TIÊU HOÁ
51	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
52	216	Đặt ống thông dạ dày
53	218	Rửa dạ dày cấp cứu
54	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
55	221	Thụt tháo
56	222	Thụt giữ
57	223	Đặt ống thông hậu môn
58	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
59	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
60	227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ
61	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
62	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
63	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
64	235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm

45

65	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
66	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
67	241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ
		E. TOÀN THÂN
68	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
69	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
70	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
71	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
72	254	Truyền máu và các chế phẩm máu
73	259	Rửa mắt tẩy độc
74	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
75	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
76	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường
77	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
78	264	Tắm cho người bệnh tại giường
79	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh
80	266	Xoa bóp phòng chống loét
81	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
82	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
83	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
84	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ
85	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp
86	275	Băng bó vết thương
87	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
88	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
89	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
90	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
		G. XÉT NGHIỆM
91	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
92	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
93	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm
94	284	Định nhóm máu tại giường
95	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường
96	286	Đo các chất khí trong máu
97	297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
98	300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
		H. THĂM DÒ KHÁC
99	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh
100	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường
	II	**NỘI KHOA**
		A. HÔ HẤP
101	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
102	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
	9	Chọc dò dịch màng phổi

103	10	Chọc tháo dịch màng phổi
104	24	Đo chức năng hô hấp
105	28	Kỹ thuật ho có điều khiển
106	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
107	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
108	32	Khí dung thuốc giãn phế quản
109	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
110	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
111	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
112	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu
113	67	Thay canuyn mở khí quản
114	68	Vận động trị liệu hô hấp
		B. TIM MẠCH
115	85	Điện tim thường
116	95	Holter điện tâm đồ
117	96	Holter huyết áp
118	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
119	112	Siêu âm Doppler mạch máu
120	113	Siêu âm Doppler tim
121	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
		C. THẦN KINH
122	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
123	129	Chọc dò dịch não tuỷ
124	145	Ghi điện não thường quy
125	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
126	150	Hút đờm hầu họng
127	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
128	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
129	164	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường
130	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường
131	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
		D. THẬN TIẾT NIỆU
132	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu
133	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
134	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
135	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
136	233	Rửa bàng quang
		Đ. TIÊU HÓA
137	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hỗng tràng (một lần)
138	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
139	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
140	244	Đặt ống thông dạ dày
141	247	Đặt ống thông hậu môn
142	253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu
143	256	Nội soi trực tràng ống mềm
144	257	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu
145	258	Nội soi trực tràng ống cứng

146	259	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết
147	273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ
148	297	Nội soi hậu môn ống cứng
149	305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
150	306	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết
151	308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
152	313	Rửa dạ dày cấp cứu
153	314	Siêu âm ổ bụng
154	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
155	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
156	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
157	339	Thụt tháo phân
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP
158	349	Hút dịch khớp gối
159	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
	V	**DA LIỄU**
		A. NỘI KHOA
160	3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
		B. NGOẠI KHOA
		1. Thủ thuật
161	24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn
162	44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện
163	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện
164	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện
165	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn
		2. Phẫu thuật
166	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da
	VIII	**Y HỌC CỔ TRUYỀN**
		A. KỸ THUẬT CHUNG
167	1	Mai hoa châm
168	2	Hào châm
169	3	Mãng châm
170	5	Điện châm
171	6	Thủy châm
172	7	Cấy chỉ
173	8	Ôn châm
174	9	Cứu
175	10	Chích lể
176	12	Từ châm
177	13	Kéo nắn cột sống cổ
178	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng
179	15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
180	16	Nắn, bó gẫy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT
181	17	Nắn, bó gẫy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT
182	18	Nắn, bó gẫy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT

183	19	Xông thuốc bằng máy
184	20	Xông hơi thuốc
185	21	Xông khói thuốc
186	22	Sắc thuốc thang
187	23	Ngâm thuốc YHCT toàn thân
188	24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
189	25	Đặt thuốc YHCT
190	26	Bó thuốc
191	27	Chườm ngải
192	28	Luyện tập dưỡng sinh
		C. ĐIỆN MÃNG CHÂM
193	114	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
194	115	Điện mãng châm điều trị béo phì
195	116	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
196	117	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng
197	119	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược
198	120	Điện mãng châm điều trị trĩ
199	124	Điện mãng châm điều trị sa tử cung
200	127	Điện mãng châm điều trị thống kinh
201	128	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
202	129	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình
203	130	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy
204	131	Điện mãng châm điều trị hen phế quản
205	133	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
206	135	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
207	140	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng
208	143	Điện mãng châm điều trị đau hố mắt
209	144	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc
210	146	Điện mãng châm điều trị
211	150	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài
212	151	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang
213	154	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp
214	155	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai
215	156	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp
216	157	Điện mãng châm điều trị đau lưng
		D. ĐIỆN NHĨ CHÂM
217	162	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình
218	163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy
219	164	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản
220	165	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp
221	166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên
222	168	Điện nhĩ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính
223	169	Điện nhĩ châm điều trị đau đau đầu, đau nửa đầu
224	170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ
225	171	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress
226	172	Điện nhĩ châm điều trị nôn
227	173	Điện nhĩ châm điều trị nấc

228	174	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo
229	175	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan
230	177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
231	188	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện
232	189	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng
233	190	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ
234	194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V
235	196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
236	197	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng
237	201	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh
238	202	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
239	204	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc
240	209	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang
241	211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm
242	212	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa
243	215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp
244	216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai
245	217	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp
246	218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng
247	221	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh
248	222	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông
249	223	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
250	225	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona
251	226	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh
252	227	Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt
		Đ. CẤY CHỈ
253	229	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược
254	230	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng
255	232	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
256	233	Cấy chỉ điều trị mày đay
257	241	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông
258	242	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu
259	243	Cấy chỉ điều trị mất ngủ
260	245	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình
261	246	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy
262	247	Cấy chỉ điều trị hen phế quản
263	250	Cấy chỉ điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính
264	251	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn
265	254	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
266	256	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng
267	262	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang
268	263	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa
269	264	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài
270	265	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
271	266	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai
272	267	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp

273	268	Cấy chỉ điều trị đau lưng
274	271	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt
275	272	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh
276	274	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh
		E. ĐIỆN CHÂM
277	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
278	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp
279	280	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính
280	281	Điện châm điều trị hội chứng stress
281	282	Điện châm điều trị cảm mạo
282	284	Điện châm điều trị trĩ
283	291	Điện châm điều trị viêm bàng quang
284	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
285	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
286	295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
287	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
288	299	Điện châm điều trị khàn tiếng
289	302	Điện châm điều trị chắp lẹo
290	303	Điện châm điều trị đau hố mắt
291	304	Điện châm điều trị viêm kết mạc
292	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông
293	310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
294	311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa
295	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
296	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác
297	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
298	319	Điện châm điều trị giảm đau do zona
299	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
300	321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt
		G. THUỶ CHÂM
301	322	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
302	323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
303	324	Thủy châm điều trị mất ngủ
304	326	Thủy châm điều trị nấc
305	327	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm
306	328	Thủy châm điều trị viêm amydan
307	331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng
308	336	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
309	337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược
310	347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
311	348	Thủy châm điều trị thống kinh
312	349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
313	350	Thủy châm điều trị đái dầm
314	351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
315	352	Thủy châm điều trị đau vai gáy
316	353	Thủy châm điều trị hen phế quản
317	355	Thủy châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính

318	356	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
319	357	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
320	359	Thủy châm điều trị đau dây V
321	361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não
322	362	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp
323	363	Thủy châm điều trị khàn tiếng
324	364	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
325	365	Thủy châm điều trị liệt chi trên
326	366	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới
327	367	Thủy châm điều trị sụp mi
328	368	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy
329	369	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá
330	370	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu
331	371	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang
332	372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
333	373	Thủy châm điều trị đau răng
334	374	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài
335	375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
336	376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp
337	377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
338	378	Thủy châm điều trị đau lưng
339	379	Thủy châm điều trị sụp mi
340	380	Thủy châm điều trị đau hố mắt
341	381	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
342	382	Thủy châm điều trị lác cơ năng
343	383	Thủy châm điều trị giảm thị lực
344	384	Thủy châm điều trị viêm bàng quang
345	385	Thủy châm điều trị di tinh
346	386	Thủy châm điều trị liệt dương
347	387	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện
348	388	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng
		H. XOA BÓP BẤM HUYỆT
349	389	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
350	390	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
351	391	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
352	392	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông
353	395	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
354	396	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
355	397	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
356	398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất
357	400	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
358	401	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác
359	402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ
360	406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược
361	408	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
362	409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
363	410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress

364	411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính
365	412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
366	413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
367	414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
368	415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi
369	416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
370	417	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng
371	418	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực
372	419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
373	420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
374	421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
375	422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
376	423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
377	424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
378	425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
379	426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
380	427	Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc
381	428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
382	429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp
383	430	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
384	431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
385	432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
386	433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt
387	434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
388	436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
389	437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
390	438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
391	439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
392	440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá
393	441	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông
394	442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng
395	443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật
396	445	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
397	447	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
		I. CỨU
398	451	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn
399	452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
400	453	Cứu điều trị nấc thể hàn
401	454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
402	455	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn
403	456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
404	460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
405	461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
406	467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn
407	468	Cứu điều trị bí đái thể hàn
408	470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn

409	471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn
410	472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
411	473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
412	474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
413	475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
414	476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
415	477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
416	478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn
		K. GIÁC HƠI
417	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn
418	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt
419	481	Giác hơi điều trị các chứng đau
420	482	Giác hơi điều trị cảm cúm
	IX	**GÂY MÊ HỒI SỨC**
		A. CÁC KỸ THUẬT
421	2	Kỹ thuật cách ly dự phòng
422	3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng
423	6	Cấp cứu cao huyết áp
424	7	Cấp cứu ngừng thở
425	8	Cấp cứu ngừng tim
426	10	Cấp cứu tụt huyết áp
427	22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường
428	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
429	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da
430	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
431	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
432	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
433	148	Rửa tay phẫu thuật
434	149	Rửa tay sát khuẩn
435	150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
436	171	Theo dõi khí máu tại chỗ
437	173	Theo dõi SpO_2
438	175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy
439	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
440	183	Thở oxy gọng kính
441	184	Thở oxy qua mặt nạ
442	185	Thở oxy qua mũ kín
443	195	Truyền dịch thường qui
444	196	Truyền dịch trong sốc
		D. GÂY TÊ
445	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài
446	3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
447	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm
448	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt
449	3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm

450	3198	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
451	3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
452	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần
453	3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm
454	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm
455	3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
456	3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
457	3397	Gây tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo
458	3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
459	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
460	3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
461	3614	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
462	3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
	X	NGOẠI KHOA
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng
463	32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ
		16. Thần kinh ngoại biên
464	151	Phẫu thuật u thần kinh trên da
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực
465	153	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
466	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
		3. Bàng quang
467	353	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất
468	354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang
469	356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
470	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
		5. Sinh dục
471	405	Nong niệu đạo
472	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
473	411	Cắt hẹp bao quy đầu
474	412	Mở rộng lỗ sáo
		5. Ruột thừa - Đại tràng
475	506	Cắt ruột thừa đơn thuần
476	509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
		7. Tầng sinh môn
477	550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ
478	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC
		1. Thành bụng - cơ hoành
479	684	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
480	685	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi

481	687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
482	697	Phẫu thuật cắt u thành bụng
483	698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ
484	699	Khâu vết thương thành bụng
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH
		11. Tổn thương phần mềm
485	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động
		12. Vùng cổ tay-bàn tay
486	860	Thương tích bàn tay giản đơn
487	862	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác
488	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu
489	984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
		17. Nắn- Bó bột
490	1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles
491	1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
492	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
493	1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
	XI	**BỎNG**
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG
		1. Thay băng bỏng
494	5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
495	9	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em
496	10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
497	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bỏng
498	25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
		3. Các kỹ thuật khác
499	77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng
500	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
501	80	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
502	81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng
503	82	Sơ cấp cứu bỏng acid
504	83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
505	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
	XIII	**PHỤ SẢN**
		A. SẢN KHOA
506	41	Khám thai
507	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
508	51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
509	54	Chích áp xe tầng sinh môn
		B. PHỤ KHOA
510	144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
511	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp

		lạnh...
512	148	Lấy dị vật âm đạo
513	151	Chích áp xe tuyến Bartholin
514	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
515	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn
516	163	Chích áp xe vú
517	165	Khám phụ khoa
518	166	Soi cổ tử cung
519	167	Làm thuốc âm đạo
		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
520	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)
521	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
522	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
	XIV	**MẮT**
523	83	Cắt u da mi không ghép
524	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
525	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
526	161	Tập nhược thị
527	167	Cắt bỏ chắp có bọc
528	168	Khâu cò mi, tháo cò
529	169	Chích dẫn lưu túi lệ
530	171	Khâu da mi đơn giản
531	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
532	175	Khâu phủ kết mạc
533	190	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
534	192	Cắt chỉ khâu giác mạc
535	193	Tiêm dưới kết mạc
536	194	Tiêm cạnh nhãn cầu
537	197	Bơm thông lệ đạo
538	200	Lấy dị vật kết mạc
539	201	Khâu kết mạc
540	202	Lấy calci kết mạc
541	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
542	204	Cắt chỉ khâu kết mạc
543	205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
544	206	Bơm rửa lệ đạo
545	207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
546	208	Thay băng vô khuẩn
547	209	Tra thuốc nhỏ mắt
548	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
549	211	Rửa cùng đồ
550	212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
551	214	Bóc giả mạc
552	215	Rạch áp xe mi
553	216	Rạch áp xe túi lệ
554	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề

		mặt giác mạc
555	218	Soi đáy mắt trực tiếp
556	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
557	221	Soi góc tiền phòng
558	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
559	223	Khám lâm sàng mắt
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm
560	250	Test thử cảm giác giác mạc
561	251	Test phát hiện khô mắt
562	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
563	253	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
564	254	Đo thị trường chu biên
565	255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)
566	256	Đo sắc giác
567	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
568	258	Đo khúc xạ máy
569	259	Đo khúc xạ giác mạc Javal
570	260	Đo thị lực
571	261	Thử kính
572	262	Đo độ lác
573	264	Đo biên độ điều tiết
574	265	Đo thị giác 2 mắt
575	276	Đo độ lồi
	XV	TAI - MŨI - HỌNG
		A. TAI - TAI THẦN KINH
576	56	Chọc hút dịch vành tai
577	57	Chích nhọt ống tai ngoài
578	58	Làm thuốc tai
579	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
		B. MŨI-XOANG
580	130	Đốt điện cuốn mũi dưới
581	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới
582	138	Chọc rửa xoang hàm
583	141	Nhét bấc mũi trước
584	142	Cầm máu mũi bằng Merocel
585	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
586	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
		C. HỌNG-THANH QUẢN
587	153	Nạo VA
588	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA
589	212	Lấy dị vật họng miệng
590	218	Bơm thuốc thanh quản
591	221	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
592	222	Khí dung mũi họng
		D. ĐẦU CỔ
593	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật

594	303	Thay băng vết mổ
595	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
	XVI	RĂNG - HÀM - MẶT
		A. RĂNG
596	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp
597	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn
598	41	Điều trị viêm quanh răng
599	42	Chích áp xe lợi
600	43	Lấy cao răng
601	61	Điều trị tủy lại
602	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
603	69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam
604	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite
605	82	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
606	83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
607	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
608	104	Chụp nhựa
609	105	Chụp kim loại
610	106	Chụp hợp kim thường cẩn nhựa
611	107	Chụp hợp kim thường cẩn sứ
612	108	Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ
613	109	Chụp sứ toàn phần
614	110	Chụp kim loại quý cẩn sứ
615	111	Chụp sứ Cercon
616	112	Cầu nhựa
617	113	Cầu hợp kim thường
618	114	Cầu kim loại cẩn nhựa
619	115	Cầu kim loại cẩn sứ
620	116	Cầu hợp kim Titanium cẩn sứ
621	117	Cầu kim loại quý cẩn sứ
622	118	Cầu sứ toàn phần
623	129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
624	130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
625	131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
626	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
627	133	Hàm khung kim loại
628	137	Tháo cầu răng giả
629	138	Tháo chụp răng giả
630	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
631	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
632	142	Đệm hàm nhựa thường
633	203	Nhổ răng vĩnh viễn
634	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
635	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn
636	206	Nhổ răng thừa
637	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc

638	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
639	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
640	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
641	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
642	230	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
643	231	Lấy tủy buồng răng sữa
644	232	Điều trị tủy răng sữa
645	238	Nhổ răng sữa
646	239	Nhổ chân răng sữa
647	240	Chích Apxe lợi trẻ em
648	241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
		B. HÀM MẶT
649	298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
650	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
651	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
652	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
653	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
654	335	Nắn sai khớp thái dương hàm
655	337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê
656	338	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
657	340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
	XVIII	**ĐIỆN QUANG**
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
		1. Siêu âm đầu, cổ
658	1	Siêu âm tuyến giáp
659	2	Siêu âm các tuyến nước bọt
660	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
661	4	Siêu âm hạch vùng cổ
662	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ
		2. Siêu âm vùng ngực
663	11	Siêu âm màng phổi
664	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
		3. Siêu âm ổ bụng
665	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
666	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
667	18	Siêu âm tử cung phần phụ
668	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
669	22	Siêu âm Doppler gan lách
670	24	Siêu âm Doppler động mạch thận
671	27	Siêu âm 3D/4D khối u
672	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi
673	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới
		4. Siêu âm sản phụ khoa
674	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
675	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo

676	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
677	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
678	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
679	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
680	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung
681	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu
682	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa
683	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối
684	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi
685	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi
		5. Siêu âm cơ xương khớp
686	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)
687	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)
		6. Siêu âm tim, mạch máu
688	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
689	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực
690	52	Siêu âm Doppler tim, van tim
691	53	Siêu âm 3D/4D tim
		7. Siêu âm vú
692	54	Siêu âm tuyến vú hai bên
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam
693	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy
694	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
695	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
696	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao
697	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến
698	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng
699	72	Chụp Xquang Blondeau
700	73	Chụp Xquang Hirtz
701	74	Chụp Xquang hàm chếch một bên
702	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
703	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
704	77	Chụp Xquang Chausse III
705	78	Chụp Xquang Schuller
706	79	Chụp Xquang Stenvers
707	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
708	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)
709	82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)
710	83	Chụp Xquang răng toàn cảnh
711	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)
712	85	Chụp Xquang mỏm trâm
713	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
714	87	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên
715	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế

716	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
717	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch
718	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
719	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên
720	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
721	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn
722	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
723	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên
724	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng
725	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch
726	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng
727	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch
728	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
729	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
730	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch
731	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
732	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
733	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
734	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
735	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
736	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
737	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
738	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
739	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
740	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
741	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
742	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
743	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
744	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng
745	119	Chụp Xquang ngực thẳng
746	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
747	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
748	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch
749	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
750	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
751	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
752	127	Chụp Xquang tại giường
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị
753	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày
754	132	Chụp Xquang đại tràng
755	138	Chụp Xquang tử cung vòi trứng
756	144	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu
	XX	**SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP**
		B. TAI - MŨI - HỌNG
757	7	Nội soi cầm máu mũi
758	13	Nội soi tai mũi họng

		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG
759	72	Nội soi trực tràng-hậu môn thắt trĩ
760	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng
761	81	Nội soi đại tràng sigma
762	82	Soi trực tràng
	XXI	**THĂM DÒ CHỨC NĂNG**
		A. TIM, MẠCH
763	7	Holter huyết áp
764	8	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
765	9	Đo lưu huyết não
766	12	Holter điện tâm đồ
767	13	Nghiệm pháp dây thắt
768	14	Điện tim thường
	XXII	**HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU**
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
769	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
		C. TẾ BÀO HỌC
770	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
771	143	Máu lắng (bằng máy tự động)
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU
772	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)
773	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
774	284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)
	XXIII	**HÓA SINH**
		A. MÁU
775	3	Định lượng Acid Uric
776	7	Định lượng Albumin
777	9	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase)
778	10	Đo hoạt độ Amylase
779	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)
780	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
781	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
782	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
783	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
784	27	Định lượng Bilirubin toàn phần
785	29	Định lượng Calci toàn phần
786	31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc
787	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)
788	33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)
789	34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)
790	35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)
791	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)
792	40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)

793	41	Định lượng Cholesterol toàn phần
794	46	Định lượng Cortisol
795	51	Định lượng Creatinin
796	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)
797	60	Định lượng Ethanol (cồn)
798	61	Định lượng Estradiol
799	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)
800	75	Định lượng Glucose
801	76	Định lượng Globulin
802	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
803	83	Định lượng HbA1c
804	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
805	93	Định lượng IgE (Immunoglobuline E)
806	94	Định lượng IgA (Immunoglobuline A)
807	95	Định lượng IgG (Immunoglobuline G)
808	96	Định lượng IgM (Immunoglobuline M)
809	98	Định lượng Insulin
810	104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)
811	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)
812	111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)
813	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
814	128	Định lượng Phospho
815	133	Định lượng Protein toàn phần
816	134	Định lượng Progesteron
817	138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)
818	139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)
819	143	Định lượng Sắt
820	147	Định lượng T_3 (Tri iodothyronine)
821	148	Định lượng T_4 (Thyroxine)
822	158	Định lượng Triglycerid
823	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)
824	166	Định lượng Urê
		B. NƯỚC TIỂU
825	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)
826	179	Định tính beta hCG (test nhanh)
827	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)
828	193	Định tính Opiate (test nhanh)
829	194	Định tính Morphin (test nhanh)
830	195	Định tính Codein (test nhanh)
831	196	Định tính Heroin (test nhanh)
832	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
	XXIV	**VI SINH**
		B. VIRUS
		2. Hepatitis virus
833	117	HBsAg test nhanh
834	130	HBeAg test nhanh

	XXVIII	TẠO HÌNH - THẨM MỸ
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ
		1. Vùng xương sọ- da đầu
835	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
836	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
		2. Vùng mi mắt
837	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt
838	34	Khâu da mi
839	36	Khâu cắt lọc vết thương mi
840	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt
		5. Vùng tai
841	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai
842	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai
		6. Vùng hàm mặt cổ
843	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ
844	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức
845	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản

(Tổng số 845 kỹ thuật)

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40 /GPHĐ-BCA	*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế.

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội.

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Nguyễn Thị Thu Hiền.

Chứng chỉ hành nghề số: 0013678/BYT-CCHN. Ngày cấp: 27/12/2013.

Hình thức tổ chức: Bệnh viện.

Địa điểm hành nghề: Số 9 Văn Phú, Phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thời gian làm việc hàng ngày: Toàn thời gian.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số: 39047 Quyển 10 SCT/BS

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Đặng Hồng Đức

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ

Số: 0013678./BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HIỀN**.

Ngày tháng năm sinh: 06/6/1972.

Chứng minh nhân dân số: 012845767.

Ngày cấp: 09/5/2007. Nơi cấp: Công an Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: số 4/211/180 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuyên

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số: 39045 10 Quyen..... - SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 24/ QĐ - BYT ngày 05 tháng 01 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CẤP BẰNG

CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: Nguyễn Thị Thu Hiền
Sinh ngày: 06/06/1972 Nơi sinh: Lạng Sơn
Chuyên ngành: Sản phụ khoa
Hệ đào tạo: Hệ tập trung
Khóa học: 2009 - 2011 Xếp loại: Giỏi

Số hiệu bằng B: 21756
Số vào sổ bằng: 4449/SĐH-CKI TT
Chữ ký của người được cấp bằng

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Nguyễn Đức Hinh

BỘ Y TẾ

Số: 0013680./BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐOÀN THÚY HÒA.**

Ngày tháng năm sinh: 14/02/1977.

Chứng minh nhân dân số: 011854046.

Ngày cấp: 14/3/2011. Nơi cấp: Công an Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: 25 ngách 101/33 Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuyên

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 T...
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số: 39049 Quyển 10 SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR OF
THE NATIONAL INSTITUTE OF MALARIOLOGY
PARASITOLOGY AND ENTOMOLOGY
confers

THE DEGREE OF DOCTOR OF PHILOSOPHY

IN MEDICINE

Upon: (Mr,Ms) Ms. *Doan Thuy Hoa*

Born on: **February 14th, 1977** in **Hung Yen**

Given under the seal of
The National Institute of Malariology, Parasitology and Entomology
Ha Noi, November 23th, 2020

Serial number: **000017**

Reference number: **52**

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số: 39053 Quyển 10 - SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN SỐT RÉT - KÝ SINH TRÙNG
CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG
cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Y HỌC

Cho: Bà *Đoàn Thúy Hòa*

Sinh ngày: **14/02/1977** tại **Hưng Yên**

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Thanh Dương

Số hiệu: 000017

Số vào sổ cấp bằng: **52**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
HANOI MEDICAL UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF MASTER

IN OPHTHALMOLOGY

Upon: (Mr, Ms) *Doan Thuy Hoa*

Born on: February 14th , 1977 in Ha Noi

Given under the seal of
Hanoi Medical University

This 23rd day of February, 2011

Serial number:
Reference number: 2189

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

cấp

BẰNG THẠC SĨ

NHÃN KHOA

Cho: Bà *Đoàn Thúy Hòa*

Sinh ngày 14 - 02 - 1977 tại Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Nguyễn Đức Hinh

Số hiệu: A002824
Số vào sổ cấp bằng: 2189

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21 -10- 2026
Số: 39052 Quyển 10 - SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0016898/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN XUÂN KHÁNH**
Ngày tháng năm sinh: *7/10/1985*
Giấy chứng minh nhân dân số: 164209396
Ngày cấp: 24/7/2009 Nơi cấp: Công an Ninh Bình.
Chỗ ở hiện nay: Số 513, nhà K2 tập thể Thành Công phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Bác sỹ.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: *Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19 -10- 2026
Số: 33081 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015
GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3183/QĐ - BYT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với:

Họ và tên: **NGUYỄN XUÂN KHÁNH**.

Ngày, tháng, năm sinh: 07/10/1985.

Chứng minh nhân dân số: 164209396. Ngày cấp: 24/7/2009. Nơi cấp: Công an Ninh Bình.

Địa chỉ cư trú: số 513, nhà K2 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Số chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã cấp: 0016898/HNO-CCHN. Ngày cấp: 08/7/2015. Nơi cấp: Sở Y tế thành phố Hà Nội.

Phạm vi hoạt động chuyên môn được bổ sung: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19-10-2026
Số: 33082 Quyển 10 - SCT/BS

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 4908/QĐ - ĐHYHN ngày 08 tháng 11 năm 2021

Theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: Nguyễn Xuân Khánh

Sinh ngày: 07/10/1985 Nơi sinh: Ninh Bình

Chuyên ngành: Nội khoa

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2019 - 2021 Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021

Số hiệu bằng B: 0052167

Số vào sổ bằng: 367 - CKI/TT/2021

Chữ ký của người được cấp bằng

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19-10-2026
Số: 33080 Quyển 10 SCT/BS

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Đoàn Quốc Hưng

TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ

Số:..043151.../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **CHU THỊ THU HÀ.**

Ngày tháng năm sinh: 17/4/1978.

Chứng minh nhân dân số: 001178013449.

Ngày cấp: 17/5/2017. Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ cư trú: Kim Lân, Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 16 -10- 2026
Số:.....Quyển 32957 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ

Số: 043153 /BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGÔ ĐÌNH BẰNG.**

Ngày tháng năm sinh: 30/4/1989.

Chứng minh nhân dân số: 001089023307.

Ngày cấp: 03/9/2019. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ cư trú: đội 1, Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-10-2026
Số: 33183 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Hồng Hải

HỌC VIỆN QUÂN Y
BỆNH VIỆN QUÂN Y 103

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 375 /QB03/2019/ĐTLT

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Cho Ông: **NGÔ ĐÌNH BẰNG**
Sinh ngày: 30/4/1989
Đơn vị công tác (Nơi cư trú) : Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ
Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục: Chuyên ngành Tai - Mũi - Họng
Số tiết học: 1500 (Một nghìn năm trăm tiết)
Từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số vào sổ cấp chứng chỉ: 38

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-10-2026
Số: 33184 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, Ngày 17 tháng 6 năm 2022

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Đại tá TS Đặng Duy Quý

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng GS.TS Trần Viết Tiến

BỘ Y TẾ

Số:...043152.../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

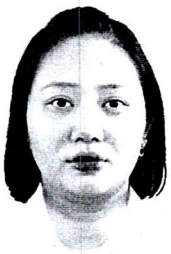

Họ và tên: **VŨ HỒNG HẠNH.**

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1987.

Chứng minh nhân dân số: 001187003202.

Ngày cấp: 27/3/2017. Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ cư trú: 50 Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15 -10- 2026
Số:.....Quyển..... - SCT/BS
32846 10

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 - SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Trường Sơn

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **028570**/HNO-CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH , CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009.
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

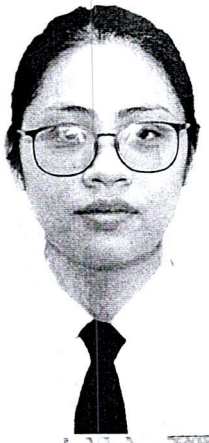

Họ và tên: **PHẠM THỊ NHẬT MINH**
Ngày tháng năm sinh: 13/07/1986
Căn cước công dân: 001186025041
Ngày cấp: 22/11/2018
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ cư trú: 125b Lê Lợi, phường Nguyễn Trãi
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: *Bác sỹ*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: *Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu*

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2019
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Trần Thị Nhị Hà

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 32896 Quyển 10 SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN QUÂN Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH TỐT NGHIỆP

Số: 2352/QĐ-HVQY Ngày: 08/7/2019

HỌC VIỆN QUÂN Y
CẤP
BẰNG TỐT NGHIỆP
BÁC SỸ CHUYÊN KHOA CẤP I



PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15 -10- 2026
Số: 32875 Quyển 10 SCT/BS

Cho Ông (Bà): Phạm Thị Nhật Minh
Ngày sinh: 13/7/1986 Nơi sinh: Hà Nội
Chuyên ngành: Da liễu
Hệ đào tạo: Chính quy
Khóa học: 2017 - 2019
Xếp loại: Khá

Ngày 06 tháng 8 năm 2019
GIÁM ĐỐC

Số hiệu bằng: 06205
Số vào sổ bằng: 3025/2019-A016

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

Trung tướng Đỗ Quyết

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....020648../HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: TRẦN THỊ NHUNG
Ngày tháng năm sinh: 27/8/1982
Giấy chứng minh nhân dân số: 034182005495
Ngày cấp: 5/9/2016 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Số 9, ngõ 48 Tô Vĩnh Diện
phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: *Bác sỹ*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng
Thời gian hành nghề liên tục đến thời điểm cấp CCHN: 02 năm 3 tháng

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 23-10-2026
Số: 39150 10 Quyển..... - SCT/BS

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2016
GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 2323/QĐ-ĐHYD ngày 19 tháng 12 năm 2025

theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: TRẦN THỊ NHUNG

Sinh ngày: 27/8/1982 Nơi sinh: Hưng Yên

Chuyên ngành: Tai Mũi Họng

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2023-2025 Xếp loại: Giỏi

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 12 năm 2025

Số hiệu bằng B: 0081251

Số vào sổ bằng: DTY/CKI/K28/2025/296

Chữ ký của người được cấp bằng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-07-2026
Số: 22954 Quyển 07-SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

Số: 019237/HNO - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐỖ HẢI THOẠI**
Ngày tháng năm sinh: 24/8/1987
Giấy chứng minh nhân dân số: 125239599
Ngày cấp: 24/9/2003 Nơi cấp: Công an Bắc Ninh
Chỗ ở hiện nay: Can N2-30 Trường PTTH Hoàng Văn Thụ, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: *Bác sỹ*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt
Thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh: 04 năm 02 tháng

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2016

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19 -10- 2026
Số: 03022 Quyển 10 SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

ẢNH
4x6

Chứng nhận ông (bà) : Đỗ Hải Thoại

Sinh ngày : 24/08/1987

Nơi sinh : Bắc Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo Bác sĩ định hướng chuyên khoa Răng Hàm Mặt (hệ 2 năm)

Từ ngày T8/2011 đến ngày T6/2013

Xếp loại: TRUNG BÌNH KHÁ

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2013

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

Trương Mạnh Dũng

Số: 13020 /VĐTRHM-ĐHYHN

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 19 -10- 2026
Số: 33045 Quyển 10 - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 - SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ

Số: 048310 /BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **TẠ HOÀNG HẢI.**

Ngày tháng năm sinh: 12/08/1994.

Giấy CMT/CCCD số: 033094002116.

Ngày cấp: 13/03/2018. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Chỗ ở hiện nay: Xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 33007 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Thuấn

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...018129.../HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **TRỊNH VŨ HẢI**
Ngày tháng năm sinh: 31/3/1987
Giấy chứng minh nhân dân số: 142285888
Ngày cấp: 02/11/2013 Nơi cấp: Công an Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Học viện Quân Y, tổ 9 phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Bác sỹ.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: *Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19 -10- 2026
Số: 33079 10 Quyển SCT/BS

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2016
GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Khắc Hiền

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3184/QĐ - BYT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với:

Họ và tên: **TRỊNH VŨ HẢI**.

Ngày, tháng, năm sinh: 31/3/1987.

Chứng minh nhân dân số: 142285888. Ngày cấp: 02/11/2013. Nơi cấp: Công an Hải Dương.

Địa chỉ cư trú: tập thể Học viện Quân Y, tổ 9, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Số chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã cấp: 018129/HNO-CCHN. Ngày cấp: 11/01/2016. Nơi cấp: Sở Y tế thành phố Hà Nội.

Phạm vi hoạt động chuyên môn được bổ sung: Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19-10-2020
Số: 3898 Quyển 10 - SCT/BS

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Viết Tiến

BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN QUÂN Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH TỐT NGHIỆP

Số: **3584/QĐ-HVQY**

ngày **24** tháng **8** năm **2020**



HỌC VIỆN QUÂN Y
cấp
BẰNG CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: **Trịnh Vũ Hải**

Sinh ngày: **31/3/1987** Nơi sinh: **Hà Nội**

Chuyên ngành: **Chẩn đoán hình ảnh**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Khóa học: **2018 - 2020** Xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày **09** *tháng* **9** *năm* **2020**

GIÁM ĐỐC

Trung tướng Đỗ Quyết

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19 -10- 2026
Số: 38988 Quyển 10 - SCT/BS

Số hiệu: **01396**

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: **001/2020/CKI/A016**

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ

Số: 043154/BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGÔ THỊ CẨM.**

Ngày tháng năm sinh: 25/3/1990.

Chứng minh nhân dân số: 112396526.

Ngày cấp: 15/01/2007. Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ cư trú: Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 38985 Quyển 1-SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hồ Thị Ánh Tuyết

HỌC VIỆN QUÂN Y
BỆNH VIỆN QUÂN Y 103

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 488 /QB03/2019/ĐTLT

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUÂN Y 103
CẤP
CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 16 -10- 2026
Số: 32974 Quyển 10 - SCT/BS

Cho Bà: **NGÔ THỊ CẨM**
Sinh ngày: 25/3/1990
Đơn vị công tác (Nơi cư trú): Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ.
Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục:

Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh về X quang quy ước và Siêu âm tổng quát.

Số tiết học: 1000 tiết (Một nghìn tiết).
Từ ngày 21 tháng 5 năm 2019 đến ngày 21 tháng 11 năm 2019.
Số vào sổ cấp chứng chỉ: 482

Hà Nội, Ngày 22 tháng 11 năm 2109

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Đại tá TS. Đặng Duy Quý

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng PGS.TS. Trần Viết Tiến

BỘ Y TẾ

Số: 0014150/BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1978

Giấy chứng minh nhân dân số: 011956041

Ngày cấp: 13/08/2009 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-10-2026
Số: 39045 Quyển: 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 - SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Hồng Hải

Nguyễn Thị Xuyên

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2239 /QĐ - BYT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh cho ông/bà

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1978

Giấy chứng minh nhân dân: 011956041

Ngày cấp: 13/8/2009 Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Địa chỉ cư trú: Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ y học cổ truyền; Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Nội chung

Số chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh đã cấp: 0014150/BYT-CCHN

Ngày cấp: 07/02/2014 Nơi cấp: Bộ Y tế

Phạm vi hoạt động chuyên môn được bổ sung: Kết hợp Nội khoa

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-10-2026
Số: 33198 10 Quyển SCT/BS

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục QL KCB (để biết);
- Lưu: VT, YDCT (2).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
RECTOR OF
VIETNAM UNIVERSITY OF TRADITIONAL MEDICINE

confers

THE DEGREE OF MASTER

TRADITIONAL MEDICINE

Upon: Ms Nguyen Thi Thu Huong

Born on: ***December 28 th, 1978***

Given under the seal of
Vietnam University of Traditional Medicine

Hanoi, 13th day of September, 2022

Serial number: 00176
Reg.No: 27/CH-HV2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Y HỌC CỔ TRUYỀN

Cho: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Sinh ngày: ***28/12/1978***

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2022

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

Số hiệu: 00176
Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 27/CH-HV2022

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số: 33199 Quyển 10 - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 019118 /HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **PHẠM VĂN TUYÊN**
Ngày tháng năm sinh: 1/10/1981
Giấy chứng minh nhân dân số: 111511792
Ngày cấp: 27/10/2009 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Xóm Chùa Đồng, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
Thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh: 01 năm 10 tháng

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2016

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21 -10- 2026
Số: 39046 SCT/BS

TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7593/QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh cho ông/bà:

Họ và tên: **PHẠM VĂN TUYÊN**

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1981

Chứng minh nhân dân số: 111 511 792

Ngày cấp: 27/10/2009. Nơi cấp: Công an Hà Nội

Địa chỉ cư trú: Huyện Hoài Đức, Hà Nội

Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ y học cổ truyền; Chứng chỉ đào tạo vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng

Số CCHN đã cấp: 019118/HNO-CCHN

Ngày cấp: 11/5/2016 Nơi cấp: Sở Y tế Hà Nội

Phạm vi hoạt động chuyên môn đã cấp: Khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền.

Phạm vi hoạt động chuyên môn bổ sung: Kết hợp vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-10-2020
Số: 3904.8 Quyển 10 - SCT/BS

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục QL KCB (để biết);
- Lưu: VT, YDCT (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

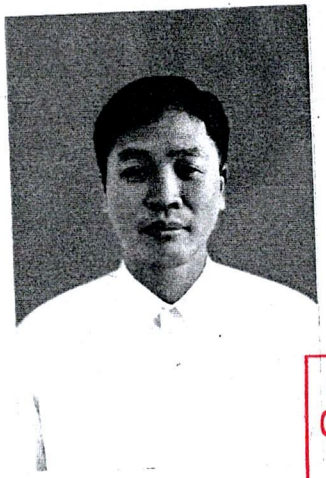

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 678/QĐ-HVYDCT ngày 04 tháng 04 năm 2022

Theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2020
Số: 39050 Quyển: 10 - SCT/BS

Cho Ông *Phạm Văn Tuyên*

Sinh ngày: 01/10/1981 Nơi sinh: Hà Nội

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2019 - 2021 Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

Số hiệu bằng B: 0055963

Số vào sổ bằng: *131/CKI-HV2022*

Chữ ký của người được cấp bằng

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 — SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

HIỆU TRƯỞNG

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

BỘ CÔNG AN
TỔNG CỤC HẬU CẦN – KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN 19-8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

BỆNH VIỆN 19-8 CHỨNG NHẬN

Học viên: *Phạm Văn Tuyên* Ngày sinh: *01/10/1981* Giới: *Nam*

Trình độ: *Bác sĩ Y học cổ truyền*

Cơ quan công tác: *Bệnh viện Công an TP. Hà Nội*

Đã hoàn thành chương trình đào tạo liên tục về: *Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng*

Chuyên ngành: *Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng* Kết quả: *Hoàn thành khóa học*

Thời gian: *09 tháng*

Từ ngày: *02/02/2015* Đến ngày: *09/10/2015*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số:.....Quyển..... - SCT/BS

Số / ...88.. CCĐT 39051 10

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

Thiếu tướng, PGS. TS. Trần Văn Sáu

BỘ Y TẾ

Số: 0021652../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HẠNH**

Ngày tháng năm sinh: 11/09/1981

Giấy chứng minh nhân dân: 012158245

Ngày cấp: 20/5/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Số 459, Tổ dân phố Tháp, phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuyên

ỦNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-10-2026
33124 10
Số:.....Quyen..... - SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6339 /QĐ - BYT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh cho ông/bà

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HẠNH**

Ngày tháng năm sinh: 11/09/1981

Giấy chứng minh nhân dân số: 012158245

Ngày cấp: 20/5/2008 Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Địa chỉ cư trú: Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ y học cổ truyền, chứng chỉ đào tạo liên tục về Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng

Số chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh đã cấp: 0021652/BYT-CCHN

Ngày cấp: 20/10/2015 Nơi cấp: Bộ Y tế

Phạm vi hoạt động chuyên môn được bổ sung: Kết hợp Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-10-2026
33125 10
Số:.....Quyển.....- SCT/BS

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục QL KCB (để biết);
- Lưu: VT, YDCT (2).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ CÔNG AN
TỔNG CỤC HẬU CẦN – KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN 19-8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

BỆNH VIỆN 19-8 CHỨNG NHẬN

Học viên: *Nguyễn Thị Hạnh* Ngày sinh: *11/09/1981* Giới: *Nữ*

Trình độ: *Bác sĩ Y học cổ truyền*

Cơ quan công tác: *Bệnh viện Công an TP. Hà Nội*

Đã hoàn thành chương trình đào tạo liên tục về: *Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng*

Chuyên ngành: *Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng* Kết quả: *Hoàn thành khóa học*

Thời gian: *09 tháng*

Từ ngày: *02/02/2015* Đến ngày: *09/10/2015*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-10-2026
Số: 33130 Quyển 10 - SCT/BS

Số / 90 CCĐT

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 – SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

Thiếu tướng, PGS. TS. Trần Văn Sáu

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR OF
VIETNAM UNIVERSITY OF TRADITIONAL MEDICINE

confers

THE DEGREE OF MASTER

TRADITIONAL MEDICINE

Upon: (Mr, Ms) Ms Nguyen Thi Hanh

Born on: ***September 11 th, 1981***

Given under the seal of
Vietnam University of Traditional Medicine

Hanoi, 4th day of July, 2019

Serial number: 00005

Reference number: 05/CH-HV2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Y HỌC CỔ TRUYỀN

Cho: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Sinh ngày: ***11 / 09 / 1981***

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2019

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh

Số hiệu: 00005

Số vào sổ cấp bằng: 05/CH-HV2019

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20 -10- 2026
Số: 33126 10 Quyển ..... - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

BỘ Y TẾ

Số:.....039915...../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN VIẾT HÙNG.**

Ngày tháng năm sinh: 12/02/1979.

Chứng minh nhân dân số: 233167745.

Ngày cấp: 06/01/2009. Nơi cấp: Công an Kon Tum.

Địa chỉ cư trú: căn hộ B2, tầng 24 tòa nhà SDU, 143 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Y sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15-10-2026
Số: 38890 Quyển 10 - SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

BỘ Y TẾ

Số:...043162.../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TUẤN.**
Ngày tháng năm sinh: 14/5/1992.
Chứng minh nhân dân số: 017036422.
Ngày cấp: 13/3/2009. Nơi cấp: Công an Hà Nội.
Địa chỉ cư trú: Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: Y sỹ.
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15 -10- 2026
Số: 38889 Quyển 10 SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TỰ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

Số: 019119/HNO - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **TRẦN CÔNG ƯỚC**
Ngày tháng năm sinh: 22/1/1987
Giấy chứng minh nhân dân số: 112040728
Ngày cấp: 20/7/2010 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: Y sỹ
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015
Thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh: 03 năm 07 tháng

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2016

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 32873 Quyển ..... - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 - SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ

Số: 043161 /BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HÀ.**

Ngày tháng năm sinh: 10/8/1991.

Chứng minh nhân dân số: 017058637.

Ngày cấp: 16/3/2019. Nơi cấp: Công an Hà Nội.

Địa chỉ cư trú: Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Y sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15 -10- 2026
Số: 32845 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

PRINCIPAL

PASTEUR MEDICAL SECONDARY SCHOOL

has conferred

DIPLOMA

LEVEL 4 OF VQF

MEDICAL IMAGING TECHNOLOGY

Upon: Mr Nguyen Van Ha

Date of birth: 10 August 1991

Graduation grade: Good

Mode of study: Full-time

Thainguyen, 28 June 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP Y KHOA PASTEUR

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

Cho: Nguyễn Văn Hà Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/8/1991

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 6 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BSCKI Linh Thị Công

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15 -10- 2026
Số: 32844 Quyển 10 - SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG CẤP Y KHOA PASTEUR

Số hiệu: P.000089

Reg. No: 02814

Số vào sổ cấp bằng: 02814

BỘ Y TẾ

Số: 043160/BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN TRƯỜNG.**

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1991.

Chứng minh nhân dân số: 001091024484.

Ngày cấp: 04/9/2018. Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ cư trú: Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Y sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Sơn

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 15 -10- 2026

Số: 32845 Quyển 10 - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 - SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

PRINCIPAL

PASTEUR MEDICAL SECONDARY SCHOOL

has conferred

DIPLOMA

LEVEL 4 OF VQF

MEDICAL IMAGING TECHNOLOGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP Y KHOA PASTEUR

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

Upon: Mr Nguyen Tien Truong
Date of birth: 15 February 1991
Graduation grade: Good
Mode of study: Full-time

Cho: Nguyễn Tiến Trường Giới tính: Nam
Ngày sinh: 15/02/1991
Xếp loại tốt nghiệp: Khá
Hình thức đào tạo: Chính quy

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15 -10- 2026
Số: 32844 Quyển 10 SCT/BS



Thainguyen, 28 June 2018

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 6 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BSCKI Linh Thị Công

Reg. No: 02817

Số hiệu: P 000092

Số vào sổ cấp bằng: 02817

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0016878/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU THỦY**
Ngày tháng năm sinh: 10/10/1989
Giấy chứng minh nhân dân số: 112392811
Ngày cấp: 21/7/2012 Nơi cấp: Công an Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Xóm 12, thôn Đoàn Kết
xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Y sỹ*.
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 16-10-2026
32962
Số:.....Quyển..... - SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2015

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHÂM CỨU TRUNG ƯƠNG
Số: **311 / 2018 - *B40***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

Chứng nhận: ông/bà **Nguyễn Thị Thu Thủy**
Ngày/ tháng/ năm sinh: **10/ 10 / 1989**
Địa chỉ/ nơi công tác: **Bệnh viện Công an TP. Hà Nội**

Đã hoàn thành khóa học theo chương trình đào tạo liên tục

Châm cứu – Xoa bóp bấm huyệt

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 32961 Quyển 10 - SCT/BS

Tổng số: 360 tiết học (bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tiết học)
Từ ngày 28 tháng 09 năm 2018 , đến ngày 24 tháng 12 năm 20 18

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 20 18

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS. TRẦN THỊ LIÊN

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN CHÂM CỨU TRUNG ƯƠNG

PGS.TS NGUYỄN BÁ QUANG

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

BỘ Y TẾ

Số:....039916.../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **TRẦN THỊ HÀ.**

Ngày tháng năm sinh: 27/5/1990.

Chứng minh nhân dân số: 112494335.

Ngày cấp: 10/11/2012. Nơi cấp: Công an Hà Nội.

Địa chỉ cư trú: Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội.

Văn bằng chuyên môn: Điều dưỡng.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 15 -10- 2026
Số: 32864 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN

Đặng Thị Thu Hằng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF
DONG DO UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR
NURSING

Upon: *Ms Tran Thi Ha*

Date of birth: *27 May 1990*

Degree classification:: *Good*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

cấp

BẰNG CỬ NHÂN
ĐIỀU DƯỠNG

Cho: *Bà Trần Thị Hà*

Ngày sinh: *27 tháng 5 năm 1990*

Hạng tốt nghiệp: *Khá*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15 -10- 2026
Số: 32862 Quyển 10 - SCT/BS

Ha noi, 02 December 2021

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

PGS,TS. Lê Ngọc Tòng

Reg. No: DDU.21.462

Số hiệu: 000989

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: DDU.21.462

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0016880/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THU HẰNG**
Ngày tháng năm sinh: 15/2/1989
Giấy chứng minh nhân dân số: 112331892
Ngày cấp: 27/9/2006 Nơi cấp: Công an Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: 118 phố Yên Phụ, phường Yên Phụ quận Tây Hồ, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19-10-2026
Số: 33006 Quyển: 10 SCT/BS

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015
GIÁM ĐỐC
SỞ Y TẾ

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Khắc Hiền

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

Số: 019134/HNO - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG TRANG**
Ngày tháng năm sinh: 10/9/1992
Giấy chứng minh nhân dân số: 012854607
Ngày cấp: 25/10/2008 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: Hợp tác xã Sứ Cách Điện, Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: Điều dưỡng viên
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015
Thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh: 02 năm 04 tháng

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2016
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-10-2026
Số: 3307 Quyển 10 - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 019117 /HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **DƯƠNG THỊ THANH LOAN**
Ngày tháng năm sinh: 17/4/1979
Giấy chứng minh nhân dân số: 001179001430
Ngày cấp: 15/5/2014 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 318A3 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: Điều dưỡng viên
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015
Thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh: 01 năm 09 tháng

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2016

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21-10-2026
Số: 33307 Quyển ..... SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0016887/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **HOÀNG THỊ PHÚC**
Ngày tháng năm sinh: 24/7/1990
Giấy chứng minh nhân dân số: 012701342
Ngày cấp: 4/5/2004 Nơi cấp: Công an Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Thôn Nội Am, xã Liên Ninh
huyện Thanh Trì, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: *Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15-10-2026
Số: 32795 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0016876/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐẶNG THANH HẰNG**
Ngày tháng năm sinh: 14/7/1990
Giấy chứng minh nhân dân số: 012876781
Ngày cấp: 29/5/2006 Nơi cấp: Công an Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Tập thể Bệnh viện Thanh Trì
xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: *Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 32963 10 Quyen..... - SCT/BS

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0017166/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐẶNG THỊ NGỌC**
Ngày tháng năm sinh: 7/7/1986
Giấy chứng minh nhân dân số: 112097963
Ngày cấp: 14/01/2004 Nơi cấp: Công an Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Lò, phường Tây Mỗ quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: *Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005*

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15-10-2026
32794 10
Số:.....Quyển..... - SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0017925/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **LÊ THỊ LAN ANH**
Ngày tháng năm sinh: 27/3/1985
Giấy chứng minh nhân dân số: 112036424
Ngày cấp: 11/11/2003 Nơi cấp: Công an Hà Tây.
Chỗ ở hiện nay: Số 70, ngõ Mai Hương
phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19 -10- 2026
Số: 33099 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2015
GIÁM ĐỐC
SỞ Y TẾ
Nguyễn Thắc Hiển

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN MẮT TRUNG ƯƠNG
Số: 203/2017 - B04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC



Tên cơ sở đào tạo: **BỆNH VIỆN MẮT TRUNG ƯƠNG**
Chứng nhận: **LÊ THỊ LAN ANH**
Sinh ngày: **27/03/1985** Tại: **Hà Tây**
Đơn vị công tác: **Bệnh viện Công an TP. Hà Nội**
Đã hoàn thành khoá học theo chương trình đào tạo liên tục, chuyên ngành:
Khúc xạ, Khoá 24, năm 2017

Tổng số: 440 tiết
Từ ngày 03 tháng 07 năm 2017
đến ngày 15 tháng 09 năm 2017

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19 -10- 2026
Số: 38997 10 Quyển ..... - SCT/BS

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2017

PHÒNG QLKH-ĐÀO TẠO
P. TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH

TS.BS. BÙI THỊ VÂN ANH

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN MẮT TRUNG ƯƠNG

TS.BS. NGUYỄN XUÂN HIỆP

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

Số: 018750 /HNO - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN PHƯƠNG LAN**
Ngày tháng năm sinh: 25/12/1989
Giấy chứng minh nhân dân số: 012632069
Ngày cấp: 17/7/2003 Nơi cấp: Công an Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Số 13, ngõ Đền Tương Thuận phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015

CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 16 -10- 2026
Số: 38934 Quyển 10 - SCT/BS

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7
SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hà Thị Ánh Tuyết

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....020649.../HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ - CP ngày 27/ 9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT - BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐƯƠNG THÙY LINH**
Ngày tháng năm sinh: 24/6/1980
Giấy chứng minh nhân dân số: 011883030
Ngày cấp: 11/8/2008 Nơi cấp: Công an Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: 16 ngõ 44 Nguyễn Đình Chiểu
Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015
Thời gian hành nghề liên tục đến thời điểm cấp CCHN: 14 năm 02 tháng

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2016

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Khắc Hiền

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -10- 2026
Số: 38933 Quyển 10 - SCT/BS

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Thị Ánh Tuyết

BỘ Y TẾ

Số:....037268.../BYT-CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **TRẦN THỊ THƠM.**
Ngày tháng năm sinh: 03/5/1985.
Chứng minh nhân dân số: 038185000560.
Ngày cấp: 05/11/2015. Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
Địa chỉ cư trú: số 47 ngõ Chùa Vua, phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: Điều dưỡng.
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP.HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15 -10- 2026
Số: 38848 10 Quyển..... - SCT/BS

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

UBND TP HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0017598/HNO - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng quản lý hành nghề Y dược tư nhân.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGÔ THỊ BÍCH THÙY**
Ngày tháng năm sinh: 6/12/1981
Giấy chứng minh nhân dân số: 012189785
Ngày cấp: 23/01/2007 Nơi cấp: Công an Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: 27 tổ 3, phường Thanh Lương quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Văn bằng chuyên môn: *Điều dưỡng viên.*
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Kỹ thuật viên xét nghiệm

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15-10-2026
Số: 38847 Quyển 10 SCT/BS

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ Y TẾ
Số: 005228 /NĐ - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2011/TT-BYT.
Xét đề nghị của phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế tỉnh Nam Định.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **TRẦN THỊ QUÝ**
Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1991
Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:163155171.
Ngày cấp:16/6/2009. Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
Văn bằng chuyên môn: Cử nhân Xét nghiệm Y học.
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các kỹ thuật của Cử nhân Xét nghiệm Y học Quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT- BYT - BNV.
Thời gian trực tiếp khám bệnh, chữa bệnh liên tục đến thời điểm cấp CCHN: 29 tháng.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15 -10- 2016
Số: 32756 Quyển 10 SCT/BS

Nam Định, ngày 25 tháng 8 năm 2016
GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

SỞ Y TẾ

Bùi Thị Minh Thu

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đặng Thị Thu Hằng